



Thời gian: 12-14/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
1	172217125	Nguyễn Tấn An	ENG 301 A	K17XDD2	8	8	8.5	7	5.5	2.7	4.1	5.9	Năm Phẩy Chín		
2	172217126	Nguyễn Thành An	ENG 301 A	K17XDD1	9	9	10	8	5	3.1	4.1	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
3	172327982	Huỳnh Quốc Anh	ENG 301 A	K17KDN4	7	8	10	7	7	5.8	6.4	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
4	172217129	Trịnh Quốc Anh	ENG 301 A	K17XDD2	9	9	8.5	7	6.5	4.9	5.7	6.9	Sáu Phẩy Chín		
5	172327986	Võ Thị Ánh	ENG 301 A	K17KDN2	9	9	7	8.5	5	4.6	4.8	6.2	Sáu Phẩy Hai		
6	172327989	Phạm Thị Chi	ENG 301 A	K17KDN4	10	9	7	8	6.5	6.2	6.4	7.1	Bảy Phẩy Một		
7	172348318	Bạch Trần Ái	ENG 301 A	K17QTC4	9	9	8.5	8	6.5	6	6.3	7.3	Bảy Phẩy Ba		
8	171445042	Lê Thị Mỹ Hằng	ENG 301 A	K17DCD4	9	9	7	8	5	5.6	5.3	6.5	Sáu Phẩy Năm		
9	172328001	Nguyễn Thị Thanh Hằng	ENG 301 A	K17KDN2	10	8	8	9	5	5.1	5.1	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
10	172127579	Lê Văn Hào	ENG 301 A	K17TPM	9	9	8	8	5	5.5	5.3	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
11	172217168	Võ Công Hậu	ENG 301 A	K17XDD1	9	9	9.5	8	6	5.6	5.8	7.2	Bảy Phẩy Hai		
12	172328005	Bùi Thị Thu Hiền	ENG 301 A	K17KDN4	10	9	7	9	6	4.9	5.5	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
13	172417659	Đoàn Thị Hiếu	ENG 301 A	K17DLK1	7	7	7	8	6	5.5	5.8	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
14	172328008	Huỳnh Thị Hoa	ENG 301 A	K17KDN3	10	9	7.5	9	6	4.7	5.4	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
15	172217177	Lê Tấn Hoàng	ENG 301 A	K17XDD2	9	9	8	8	7.5	6.2	6.9	7.5	Bảy Phẩy Năm		
16	172328016	Nguyễn Phú Huy	ENG 301 A	K17KDN4	8	8	7	8	7	4.6	5.8	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
17	172417666	Nguyễn Thị Huyền	ENG 301 A	K17DLK1	10	9	7	9	5.5	4.6	5.1	6.5	Sáu Phẩy Năm		
18	172328020	Nguyễn Thị Kiều	ENG 301 A	K17KDN3	10	9	7	9	6.5	6.4	6.5	7.2	Bảy Phẩy Hai		
19	172328024	Hồ Thị Lành	ENG 301 A	K17KDN4	10	9	7	9	6.5	2.6	4.6	6.2	Sáu Phẩy Hai		
20	171445077	Lê Thị Bích Lệ	ENG 301 A	K17DCD4	9	7	9	8	6	6.4	6.2	7.2	Bảy Phẩy Hai		
21	172328025	Lê Văn Nguyên Liêm	ENG 301 A	K17KDN4	9	9	7.5	8	6.5	5.6	6.1	7.0	Bảy		
22	171445097	Hồ Thị Hiền My	ENG 301 A	K17DCD3	8	7	8	7	6	7.3	6.7	7.1	Bảy Phẩy Một		
23	172328040	Huỳnh Thị Ly Na	ENG 301 A	K17KDN2	10	9	7	9	5	6.6	5.8	6.9	Sáu Phẩy Chín		
24	172217217	Huỳnh Trí Nghĩa	ENG 301 A	K17XDD2	10	10	8	9	8.5	7.5	8	8.4	Tám Phẩy Bốn		
25	172348393	Đỗ Thị Ngọc	ENG 301 A	K17QTC1	8	7	8	7	7	6	6.5	7.0	Bảy		
26	172348390	Nguyễn Thị Minh Ngọc	ENG 301 A	K17QTC2	10	9	9	8	7	6.9	7	7.8	Bảy Phẩy Tám		
27	172217226	Trần Trung Nhân	ENG 301 A	K17XDD3	8	8	10	8	8	7.5	7.8	8.3	Tám Phẩy Ba		
28	172328065	Nguyễn Thị Nhung	ENG 301 A	K17KDN4	10	9	7	8	5	4.4	4.7	6.2	Sáu Phẩy Hai		
29	172328068	Nguyễn Thị Kim Nhung	ENG 301 A	K17KDN3	10	9	7	8	4.5	5.6	5.1	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
30	172348408	Phan Hữu Phúc	ENG 301 A	K17QTC1	9	9	7	8	7	7.5	7.3	7.5	Bảy Phẩy Năm		
31	172328075	Nguyễn Thị Phường	ENG 301 A	K17KDN4	10	9	7	9	5.5	6	5.8	6.9	Sáu Phẩy Chín		
32	172328076	Hồ Thị Như Phượng	ENG 301 A	K17KDN2	8	8	7	8	4	6	5	6.2	Sáu Phẩy Hai		
33	172217252	Doãn Văn Quốc	ENG 301 A	K17XDD1	10	9	8.5	8	6	5.8	5.9	7.1	Bảy Phẩy Một		
34	172328080	Nguyễn Thanh Quỳnh	ENG 301 A	K17KDN3	9	9	7	8	5	5.3	5.2	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
35	172328083	Phạm Thị Thuý Sanh	ENG 301 A	K17KDN3	9	9	7	8	5	5.5	5.3	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
36	172348422	Đặng Ngọc Tâm	ENG 301 A	K17QTC2	10	9	9	8.5	5.5	3.6	4.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
37	172328091	Phạm Thị Thanh Tâm	ENG 301 A	K17KDN2	10	9	7	8	5	6.4	5.7	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
38	162163186	Nguyễn Việt Tân	ENG 301 A	K17EVT	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
39	172217265	Đặng Quốc Thái	ENG 301 A	K17XDD2	7	8	8.5	7	5	4	4.5	6.0	Sáu		

Thời gian: 12-14/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
40	172328095	Hoàng Thị Thu	Thanh	ENG 301 A	K17KDN3	10	8	7	8.5	6.5	5.6	6.1	6.9	Sáu Phẩy Chín	
41	171326106	Nguyễn Thị	Thảo	ENG 301 A	K17KCD2	7	8	8	7	5.5	4.6	5.1	6.2	Sáu Phẩy Hai	
42	172127616	Nguyễn Văn	Thuận	ENG 301 A	K17TPM	9	9	8	7	6.5	5.1	5.8	6.8	Sáu Phẩy Tám	
43	172348444	Huỳnh Thị Ngọc	Thủy	ENG 301 A	K17QTC2	9	9	8.5	8	5	3.5	4.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
44	172217296	Đặng Thái	Tiến	ENG 301 A	K17XDD1	10	9	9	8	7	5.8	6.4	7.5	Bảy Phẩy Năm	
45	172217303	Hứa Văn	Tĩnh	ENG 301 A	K17XDD4	7	8	8.5	7	5.5	3.8	4.7	6.1	Sáu Phẩy Một	
46	172217305	Nguyễn Lê Công	Trà	ENG 301 A	K17XDD2	10	9	8	8	7	6.4	6.7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
47	171326171	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	ENG 301 A	K17KCD2	10	9	9	8	6	6	6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
48	172328121	Nguyễn Thị Thiên	Trang	ENG 301 A	K17KDN2	10	8	7	9	6.5	5.1	5.8	6.8	Sáu Phẩy Tám	
49	172417695	Nguyễn Thị	Tuyền	ENG 301 A	K17DLK1	8	8	7	8	6	4.7	5.4	6.3	Sáu Phẩy Ba	
50	172348478	Nguyễn Quốc	Việt	ENG 301 A	K17QTC4	10	9	10	8	7	6.2	6.6	7.8	Bảy Phẩy Tám	
51	172348479	Trần Phước	Vinh	ENG 301 A	K17QTC3	9	9	9.5	8	7	6	6.5	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
52	172328135	Nguyễn Ngọc	Vũ	ENG 301 A	K17KDN1	10	9	7	8.5	7	6.9	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
53	172127574	Lê Tùng	Anh	ENG 301 B	K17TPM	7	8	7	7	7	4.4	5.7	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
54	172348287	Dương Thị Ngọc	Ánh	ENG 301 B	K17QTM1	7	8	7	7	7	5.3	6.2	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
55	171445020	Đinh Thị Thanh	Bình	ENG 301 B	K17DCD1	9	9	7	8	5.5	5.6	5.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
56	172348312	Nguyễn Thị Kim	Chi	ENG 301 B	K17QTC1	9	9	8	8	5.5	6.2	5.9	7.0	Bảy	
57	172348316	Võ Hoàng	Cường	ENG 301 B	K17QTC2	9	9	8	8	5	6.4	5.7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
58	172217152	Nguyễn Văn	Đông	ENG 301 B	K17XDD1	9	9	8	8	5	4.2	4.6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
59	172217153	Nguyễn Minh	Dự	ENG 301 B	K17XDD2	9	9	8	8	6	4.6	5.3	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
60	172348322	Trần Việt	Dũng	ENG 301 B	K17QTC2	7	8	7	7	5	3.8	4.4	5.7	Năm Phẩy Bảy	
61	172327998	Đoàn Thị	Duyên	ENG 301 B	K17KDN2	10	9	7	9	7	5.1	6.1	7.0	Bảy	
62	172348324	Trần Thị Thùy	Duyên	ENG 301 B	K17QTC2	9	8	8	9	7.5	5.8	6.7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
63	172417655	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	ENG 301 B	K17DLK1	9	10	8	9	6	5.6	5.8	7.1	Bảy Phẩy Một	
64	171445044	Lê Thị	Hạnh	ENG 301 B	K17DCD1	9	9	7.5	10	6	4	5	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
65	172217169	Phan Minh	Hiền	ENG 301 B	K17XDD2	8	9	7	8	v	v	v	0.0	Không	
66	171325932	Lê Thị	Hiển	ENG 301 B	K17KCD2	9	9	8	9	6	4.6	5.3	6.8	Sáu Phẩy Tám	
67	172127586	Trương Anh	Hoàng	ENG 301 B	K17TPM	9	9	7	8	6.5	4.7	5.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
68	171325948	Đặng Thị	Huế	ENG 301 B	K17KCD2	9	9	7	9	7	6.2	6.6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
69	172348344	Hà Hoàng	Hưng	ENG 301 B	K17QTC2	9	9	7.5	9	8	7.8	7.9	8.1	Tám Phẩy Một	
70	172348279	Nguyễn Thị Thu	Huyền	ENG 301 B	K17QTM1	9	8	8	8	7.2	5.1	6.2	7.0	Bảy	
71	172217196	Trần	Khánh	ENG 301 B	K17XDD1	10	7	8	8	5	5.3	5.2	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
72	171445084	Nguyễn Vũ Khánh	Linh	ENG 301 B	K17DCD2	7	8	9.5	7	7	2.9	5	6.5	Sáu Phẩy Năm	
73	171445094	Nguyễn Văn	Minh	ENG 301 B	K17DCD2	7	8	8	7	6.5	4.9	5.7	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
74	171575580	Nguyễn Thị Kiều	My	ENG 301 B	K17QCD5	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
75	172348394	Huỳnh Công	Nguyên	ENG 301 B	K17QTC2	9	9	8.5	9	7.2	3.8	5.5	7.0	Bảy	
76	172328063	Đoàn Thị Hồng	Nhung	ENG 301 B	K17KDN1	8	9	7	8	7	5.3	6.2	6.9	Sáu Phẩy Chín	
77	171445112	Phạm Bảo	Nhật	ENG 301 B	K17DCD4	9	9	7	9	6	5.1	5.6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
78	172417674	H Sen	Niê	ENG 301 B	K17DLK1	9	9	10	8.5	8.5	7.8	8.2	8.7	Tám Phẩy Bảy	



Thời gian: 12-14/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%		T	55%				
79	171445117	Nguyễn Thị Phúc	ENG 301 B	K17DCD1	9	9	7	9	7	6.4	6.7	7.3	Bảy Phẩy Ba		
80	172348286	Nguyễn Hoàng Quân	ENG 301 B	K17QTM1	5	6	7	7	7.5	6.4	7	6.8	Sáu Phẩy Tám		
81	172217248	Lê Viết Quang	ENG 301 B	K17XDD1	9	8	9	8	7.5	6	6.8	7.6	Bảy Phẩy Sáu		
82	172348283	Trần Thị Phương Thảo	ENG 301 B	K17QTM1	7	7	7	8	6.5	6.6	6.6	6.9	Sáu Phẩy Chín		
83	171445148	Nguyễn Huy Thịnh	ENG 301 B	K17DCD4	7	7	9	8	8	5.6	6.8	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
84	172348295	Huỳnh Bá Thông	ENG 301 B	K17QTM1	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
85	172348439	Nguyễn Thị Minh Thư	ENG 301 B	K17QTC2	6	6	6	8	7.5	3.5	5.5	5.9	Năm Phẩy Chín		
86	172348441	Lê Hoà Thuận	ENG 301 B	K17QTC2	9	9	8	8	8	3.3	5.7	6.9	Sáu Phẩy Chín		
87	171575689	Nguyễn Thị Thu Thủy	ENG 301 B	K17QCD5	7	8	7	8	7	5.1	6.1	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
88	172417691	Trương Thị Nhất Tiên	ENG 301 B	K17DLK1	9	9	10	8	8.5	5.6	7.1	8.0	Tám		
89	171575698	Đoàn Bảo Tiến	ENG 301 B	K17QCD1	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
90	171575705	Huỳnh Hồ Thùy Trâm	ENG 301 B	K17QCD7	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
91	172348297	Trần Thị Trinh	ENG 301 B	K17QTM1	9	9	8	8	4	4	4	6.0	Sáu		
92	172217320	Nguyễn Quang Thar Tùng	ENG 301 B	K17XDD1	8	9	8	9	4.5	4	4.3	6.1	Sáu Phẩy Một		
93	172348465	Phan Sĩ Hà Tùng	ENG 301 B	K17QTC2	8	8	8.5	8	7.5	6	6.8	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
94	171575738	Lê Thị Thanh Tuyền	ENG 301 B	K17QCD7	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
95	172348473	Trần Thị Vân	ENG 301 B	K17QTC2	9	9	8	8	7.5	6.7	7.1	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
96	171575759	Hoàng Thị Như Ý	ENG 301 B	K17QCD7	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
97	172127573	Mai Tuấn Anh	ENG 301 C	K17TPM	10	10	7	8	7	5.3	6.2	7.1	Bảy Phẩy Một		
98	172127577	Võ Phan Thảo Dung	ENG 301 C	K17TPM	10	10	8	8	8	5.8	6.9	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
99	172127581	Nguyễn Văn Hiếu	ENG 301 C	K17TPM	6	7	6	6	5	6	5.5	5.8	Năm Phẩy Tám		
100	172127583	Nguyễn Như Hoàng	ENG 301 C	K17TPM	10	10	8.5	7	7	7.8	7.4	8.0	Tám		
101	172127587	Phạm Văn Hùng	ENG 301 C	K17TPM	10	10	6.5	7	7	6.9	7	7.3	Bảy Phẩy Ba		
102	171575553	Đỗ Trần Ánh Lân	ENG 301 C	K17QCD3	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
103	172217214	Nguyễn Bảo Nam	ENG 301 C	K17XDD3	6	8	4.5	6	v	v	v	0.0	Không		
104	172127601	Lê Châu Minh Nhật	ENG 301 C	K17TPM	7	9	8	6	8	7.6	7.8	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
105	172217239	Châu Đại Phong	ENG 301 C	K17XDD4	9	10	5.5	7	6	4.5	5.3	6.1	Sáu Phẩy Một		
106	171575619	Lê Thị Hồng Phúc	ENG 301 C	K17QCD3	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
107	171445124	Nguyễn Thị Như Quy	ENG 301 C	K17DCD4	8	9	6.5	7	5	3.6	4.3	5.7	Năm Phẩy Bảy		
108	172328085	Đoàn Thị Kim Sen	ENG 301 C	K17KDN2	9	10	7	7	6	5.3	5.7	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
109	172127610	Văn Công Tài	ENG 301 C	K17TPM	8	8	5	6	5	5.3	5.2	5.6	Năm Phẩy Sáu		
110	172127613	Nguyễn Hồng Thanh	ENG 301 C	K17TPM	9	9	8	7	5	5.5	5.3	6.5	Sáu Phẩy Năm		
111	171445138	Đinh Thị Thành	ENG 301 C	K17DCD4	7	9	6.5	7	6	6.2	6.1	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
112	172127614	Lê Thịnh	ENG 301 C	K17TPM	8	9	7.5	6	6	4.9	5.5	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
113	172217287	Quách Hoàng Thịnh	ENG 301 C	K17XDD4	9	10	6.5	6	6.5	5.5	6	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
114	172217286	Trần Kim Thịnh	ENG 301 C	K17XDD3	9	10	8.5	7.5	6.5	6.7	6.6	7.5	Bảy Phẩy Năm		
115	172127615	Lê Văn Thuận	ENG 301 C	K17TPM	10	10	6	7.5	6.5	4.7	5.6	6.5	Sáu Phẩy Năm		
116	172127617	Trương Sĩ Tiến	ENG 301 C	K17TPM	8	9	6.5	7.5	7.5	5.5	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín		
117	172127618	Nguyễn Ngọc Tín	ENG 301 C	K17TPM	7	8	7	6	7	5.3	6.2	6.5	Sáu Phẩy Năm		



Thời gian: 12-14/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
118	172217299	Phan Tôn	Tín	ENG 301 C	K17XDD4	10	10	8.5	7	7	6.9	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
119	142733119	Nguyễn Thị Huyền	Trang	ENG 301 C	K14VQH	7	7	6	6	7	5.1	6.1	6.2	Sáu Phẩy Hai	00366
120	172127623	Đỗ Đăng	Tú	ENG 301 C	K17TPM	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
121	171445198	Nguyễn Thị Tường	Vi	ENG 301 C	K17DCD4	10	10	7.5	7	8	6.9	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
122	171445007	Thân Thị Hương	An	ENG 301 E	K17DCD1	10	10	8	7.5	7.5	5.3	6.4	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
123	171325852	Diệp Thị Kiều	Anh	ENG 301 E	K17KCD1	8	9	7	7	6.5	3.5	5	6.2	Sáu Phẩy Hai	
124	172127589	Lê Văn	Huy	ENG 301 E	K17TPM	10	10	9.5	8	9	7.5	8.3	8.7	Tám Phẩy Bảy	
125	172127590	Vũ Quang	Khải	ENG 301 E	K17TPM	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
126	171325979	Đậu Hoàng	Linh	ENG 301 E	K17KCD1	10	10	7.5	7	7.5	5.6	6.6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
127	172417668	Trương Khánh Ngọc	Linh	ENG 301 E	K17DLK1	8	8	8	8	7	6.2	6.6	7.2	Bảy Phẩy Hai	
128	171445092	Trần Thị Trúc	Mai	ENG 301 E	K17DCD1	10	10	8	7	7	6.4	6.7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
129	172127595	Hồ Công	Minh	ENG 301 E	K17TPM	9	9	8	7	7	3.6	5.3	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
130	172328043	Lê Thị	Năm	ENG 301 E	K17KDN2	10	10	7.5	7	7	6	6.5	7.3	Bảy Phẩy Ba	
131	172328045	Trần Thị Hồng	Nga	ENG 301 E	K17KDN1	10	10	8	7	6.5	5.8	6.2	7.2	Bảy Phẩy Hai	
132	171326025	Phạm Thị Như	Ngọc	ENG 301 E	K17KCD1	9	8	6	6	7.5	6.4	7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
133	172417671	Nguyễn Thị Anh	Nguyên	ENG 301 E	K17DLK1	8	8	7	7	6.5	5.8	6.2	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
134	172127600	Bùi Giang	Nhân	ENG 301 E	K17TPM	10	9	8.5	8	7	3.5	5.3	6.8	Sáu Phẩy Tám	
135	172127602	Mai Quốc	Nhật	ENG 301 E	K17TPM	9	9	9	8.5	6.5	4.9	5.7	7.1	Bảy Phẩy Một	
136	171326050	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhu	ENG 301 E	K17KCD2	8	9	7	7	4	5.5	4.8	6.0	Sáu	
137	172127608	Phạm Văn	Phụng	ENG 301 E	K17TPM	10	10	8	7	5.5	5.6	5.6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
138	172127611	Phạm Văn	Tài	ENG 301 E	K17TPM	10	10	8	7.5	6	6.7	6.4	7.3	Bảy Phẩy Ba	
139	172328097	Lê Thị Phương	Thảo	ENG 301 E	K17KDN2	10	10	9	8	5.5	4.4	5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
140	172328100	Phan Vũ Diệu	Thảo	ENG 301 E	K17KDN2	10	10	9	8.5	6	6.2	6.1	7.5	Bảy Phẩy Năm	
141	172127620	Phạm Thanh	Toàn	ENG 301 E	K17TPM	10	10	7	7	5.5	6.2	5.9	6.8	Sáu Phẩy Tám	
142	172328118	Đỗ Thị Thúy	Trang	ENG 301 E	K17KDN2	10	10	8.5	7	6.5	4.9	5.7	7.0	Bảy	
143	171326177	Lê Thị Phương	Trình	ENG 301 E	K17KCD1	8	9	7.5	7.5	6	4.7	5.4	6.5	Sáu Phẩy Năm	
144	171326185	Nguyễn Thị	Út	ENG 301 E	K17KCD1	9	9	6.5	6.5	hp	hp	hp	0.0	Không	
145	172127625	Trịnh Phạm Văn	Việt	ENG 301 E	K17TPM	9	9	9	7	6	4	5	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
146	172327981	Võ Thị Hoài	An	ENG 301 F	K17KDN3	9.5	10	7.5	9.5	5.5	5.1	5.3	6.8	Sáu Phẩy Tám	
147	172417641	Hoàng Quỳnh	Anh	ENG 301 F	K17DLK1	8.5	10	7.2	9	7	6.7	6.9	7.5	Bảy Phẩy Năm	
148	172417639	Nguyễn Kim Kiều	Anh	ENG 301 F	K17DLK1	7	9	7.5	9.5	6.5	4.9	5.7	6.8	Sáu Phẩy Tám	
149	172327985	Hoàng Thị	Ánh	ENG 301 F	K17KDN1	10	9	6.1	8.5	6	4.2	5.1	6.3	Sáu Phẩy Ba	
150	172417643	Hoàng Thị Ngọc	Bích	ENG 301 F	K17DLK1	10	10	8	9	6.5	5.6	6.1	7.3	Bảy Phẩy Ba	
151	172417644	Nguyễn Như Yên	Chi	ENG 301 F	K17DLK1	9	9.5	6.9	9	6	5.6	5.8	6.9	Sáu Phẩy Chín	
152	172348315	Trương Quang Chí	Công	ENG 301 F	K17QTC1	10	10	7.9	9.5	6.5	6.4	6.5	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
153	172327993	Hà Thị Minh	Diệu	ENG 301 F	K17KDN4	9.5	9	7.2	9	6	6.9	6.5	7.3	Bảy Phẩy Ba	
154	172327995	Hoàng Thị Mỹ	Dung	ENG 301 F	K17KDN4	10	9	7.2	9.5	6	6	6	7.1	Bảy Phẩy Một	
155	172417648	Nguyễn Thị	Dung	ENG 301 F	K17DLK1	10	10	7.6	9.5	6.5	5.8	6.2	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
156	172417653	Ngô Trần Thị Vân	Hải	ENG 301 F	K17DLK1	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	



Thời gian: 12-14/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
157	172127578	Nguyễn Đình Hải	ENG 301 F	K17TPM	10	10	6.1	8.5	6.5	6.2	6.4	7.1	Bảy Phẩy Một		
158	172417660	Nguyễn Thị Minh Hiếu	ENG 301 F	K17DLK1	9.5	10	7.4	9.5	8	5.8	6.9	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
159	172348341	Đỗ Thị Diễm Hoà	ENG 301 F	K17QTC2	9.5	10	7	9.5	6.5	5.3	5.9	7.1	Bảy Phẩy Một		
160	172328015	Huỳnh Thị Thiên Hương	ENG 301 F	K17KDN4	10	10	7.4	9.5	6	5.6	5.8	7.1	Bảy Phẩy Một		
161	172417664	Nguyễn Thị Thanh Hương	ENG 301 F	K17DLK1	10	10	7.1	9	6	5.5	5.8	7.0	Bảy		
162	172328018	Nguyễn Thị Huyền	ENG 301 F	K17KDN1	10	10	6.5	8.5	6	5.8	5.9	6.9	Sáu Phẩy Chín		
163	172417667	Nguyễn Thuỳ Liên	ENG 301 F	K17DLK1	10	10	7.8	9	8	6.4	7.2	7.9	Bảy Phẩy Chín		
164	172348364	Trương Thị Hoài Linh	ENG 301 F	K17QTC1	10	9	7	9.5	7	7.8	7.4	7.8	Bảy Phẩy Tám		
165	172328033	Phạm Thị Dịu Ly	ENG 301 F	K17KDN4	10	9	6.4	9	5	6	5.5	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
166	172328037	Nguyễn Thị Khánh Minh	ENG 301 F	K17KDN4	9.5	9	7.2	9	6	7.5	6.8	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
167	172328038	Trần Thị Phương Minh	ENG 301 F	K17KDN4	10	10	7.2	9.5	7	7.8	7.4	8.0	Tám		
168	172328044	Lê Thị Nga	ENG 301 F	K17KDN3	9.5	9	7.3	9	4	4.4	4.2	6.0	Sáu		
169	172348385	Trần Thị Nga	ENG 301 F	K17QTC2	10	10	9.3	9.5	8	8.6	8.3	8.9	Tám Phẩy Chín		
170	172348388	Lê Thị Như Ngọc	ENG 301 F	K17QTC1	10	10	7.2	9.5	5	7.5	6.3	7.3	Bảy Phẩy Ba		
171	172127599	Lê Đức Hiền Nhân	ENG 301 F	K17TPM	9	9	6.4	8.5	3	5.8	4.4	5.9	Năm Phẩy Chín		
172	172328060	Nguyễn Thị Nhó	ENG 301 F	K17KDN4	10	9.5	7.3	9.5	4	6.6	5.3	6.8	Sáu Phẩy Tám		
173	172417673	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	ENG 301 F	K17DLK1	9.5	10	5.6	9.5	5	6.6	5.8	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
174	172348407	Nguyễn Thị Hồng Phúc	ENG 301 F	K17QTC2	10	10	7.1	9.5	5	5.6	5.3	6.8	Sáu Phẩy Tám		
175	172328079	Lê Hồng Nhật Uyên	ENG 301 F	K17KDN4	10	9	7.2	9	6	6.2	6.1	7.1	Bảy Phẩy Một		
176	172348416	Phạm Thị Như Quỳnh	ENG 301 F	K17QTC1	10	9.5	7.2	9.5	6	7.6	6.8	7.6	Bảy Phẩy Sáu		
177	172417680	Võ Thị Trúc Quỳnh	ENG 301 F	K17DLK1	10	10	6.3	9	5	6	5.5	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
178	172348423	Phạm Thị Minh Tâm	ENG 301 F	K17QTC4	10	10	6.7	9	4	6.6	5.3	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
179	172348426	Lê Thị Phương Thanh	ENG 301 F	K17QTC1	10	9	7	9.5	6.5	6.2	6.4	7.2	Bảy Phẩy Hai		
180	172417686	Lê Thị Thu Thảo	ENG 301 F	K17DLK1	9.5	9.5	6.6	9.5	6	6.6	6.3	7.2	Bảy Phẩy Hai		
181	172328108	Đặng Thị Thuỷ	ENG 301 F	K17KDN1	10	9.5	6.3	8.5	4.5	6	5.3	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
182	172328110	Nguyễn Thị Hồng Thúy	ENG 301 F	K17KDN4	9	9	6.4	9	4	5.6	4.8	6.2	Sáu Phẩy Hai		
183	172417690	Trương Lan Phương Thủy	ENG 301 F	K17DLK1	10	10	8.3	9	7	7.5	7.3	8.0	Tám		
184	172328115	Phan Thị Mỹ Tiên	ENG 301 F	K17KDN4	10	10	6.9	9.5	5	5.3	5.2	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
185	172348455	Lê Thị Minh Trang	ENG 301 F	K17QTC4	9.5	9	6.8	9	5	4.2	4.6	6.2	Sáu Phẩy Hai		
186	172328119	Nguyễn Thị Huyền Trang	ENG 301 F	K17KDN3	9	9	7.4	9	4	4.9	4.5	6.2	Sáu Phẩy Hai		
187	172348463	Hoàng Anh Tuấn	ENG 301 F	K17QTC4	9	8	6.9	9.5	7	6.6	6.8	7.3	Bảy Phẩy Ba		
188	172348472	Phan Lê Phương Uyên	ENG 301 F	K17QTC4	9	9	9.5	9.5	6	7.5	6.8	7.9	Bảy Phẩy Chín		
189	171326194	Đỗ Thị Hà Vi	ENG 301 F	K17KCD4	7	9	8.1	9.5	6.5	7.1	6.8	7.6	Bảy Phẩy Sáu		
190	172348480	Nguyễn Phú Vinh	ENG 301 F	K17QTC4	8	9	7	9.5	8.5	6	7.3	7.6	Bảy Phẩy Sáu		
191	172328140	Nguyễn Thị Hải Yến	ENG 301 F	K17KDN4	9.5	9	6.9	9	7.5	4.9	6.2	7.1	Bảy Phẩy Một		
192	172417640	Huỳnh Cao Lan Anh	ENG 301 K	K17DLK1	9.5	10	9.2	9.5	8	7.6	7.8	8.6	Tám Phẩy Sáu		
193	172348292	Nguyễn Văn Bình	ENG 301 K	K17QTM1	9	10	7.1	9.5	7.5	6.4	7	7.6	Bảy Phẩy Sáu		
194	171575481	Huỳnh Tấn Danh	ENG 301 K	K17QCD5	8	9	7.5	9	5.5	4.7	5.1	6.5	Sáu Phẩy Năm		
195	172348321	Nguyễn Thị Dung	ENG 301 K	K17QTC2	10	10	7.6	9	6	5.8	5.9	7.2	Bảy Phẩy Hai		

Thời gian: 12-14/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
196	172417649	Nguyễn Hà Mỹ	Duyên	ENG 301 K	K17DLK1	10	10	9.2	9.5	8	7.8	7.9	8.6	Tám Phẩy Sáu	
197	172348326	Nguyễn Minh	Hà	ENG 301 K	K17QTC4	9.5	10	7.3	9	8	5.1	6.6	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
198	172348331	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	ENG 301 K	K17QTC1	10	10	7.8	9	8	5.3	6.7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
199	171445043	Thủy Thị Thu	Hằng	ENG 301 K	K17DCD1	10	10	7.3	10	hp	hp	hp	0.0	Không	
200	172348332	Nguyễn Thị Kiều	Hạnh	ENG 301 K	K17QTC1	9	10	7.3	9.5	6.5	4.4	5.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
201	172348333	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	ENG 301 K	K17QTC2	10	10	8.1	9	8	6.2	7.1	7.9	Bảy Phẩy Chín	
202	172348336	Lê Thị Thu	Hiền	ENG 301 K	K17QTC4	9.5	10	7.8	9	7.5	5.3	6.4	7.5	Bảy Phẩy Năm	
203	172348340	Trần Xuân	Hiếu	ENG 301 K	K17QTC1	8	8	7.4	9	7	5.3	6.2	7.0	Bảy	
204	172417662	Đặng Khánh Huy	Hoàng	ENG 301 K	K17DLK1	10	10	7.8	9.5	8	6	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
205	172328012	Văn Thị Thúy	Hồng	ENG 301 K	K17KDN1	10	10	7.7	9.5	8.5	6.7	7.6	8.2	Tám Phẩy Hai	
206	172348347	Phạm Thị Xuân	Hương	ENG 301 K	K17QTC1	10	10	7.3	9.5	7.5	4.2	5.9	7.1	Bảy Phẩy Một	
207	172348350	Mai Thị Xuân	Huyền	ENG 301 K	K17QTC1	10	10	7.2	9.5	7.5	3.8	5.7	7.0	Bảy	
208	172348277	Nguyễn Trần Bảo	Khanh	ENG 301 K	K17QTM1	9	9.5	8	9.5	7.5	5.8	6.7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
209	172348354	Nguyễn Thế	Khoa	ENG 301 K	K17QTC2	5	6	8.3	9	7	4.9	6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
210	172348359	Hoàng Thị Ngọc	Lan	ENG 301 K	K17QTC1	10	9.5	7.7	9.5	6.5	4.9	5.7	7.1	Bảy Phẩy Một	
211	172348363	Đặng Trịnh Ngọc	Linh	ENG 301 K	K17QTC4	10	10	8.5	9	7	6.4	6.7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
212	172348367	Nguyễn Thị Việt	Linh	ENG 301 K	K17QTC4	10	9.5	7	9	7.5	6	6.8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
213	172328032	Lê Trần Vĩnh	Lộc	ENG 301 K	K17KDN3	10	9.5	7	9	7	4.9	6	7.0	Bảy	
214	172348371	Nguyễn Thị Ái	Lựu	ENG 301 K	K17QTC4	10	10	7	9	7	5.6	6.3	7.3	Bảy Phẩy Ba	
215	172348300	Đặng Thị Thúy	Ly	ENG 301 K	K17QTM1	9.5	9.5	8.3	9.5	6	4.7	5.4	7.0	Bảy	
216	172348373	Phạm Thị Hải	Lý	ENG 301 K	K17QTC1	10	10	8.7	9	6.5	5.1	5.8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
217	172348374	Trần Anh	Mẫn	ENG 301 K	K17QTC1	10	10	7.2	9	6.8	6.2	6.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
218	172348378	Hoàng Thị Trà	My	ENG 301 K	K17QTC4	10	9.5	7.5	9	6.8	5.5	6.2	7.2	Bảy Phẩy Hai	
219	172348280	Hồ Lê	Na	ENG 301 K	K17QTM1	9.5	9.5	8.5	9.5	6.8	6.9	6.9	7.8	Bảy Phẩy Tám	
220	172328046	Hoàng Thị Phương	Nga	ENG 301 K	K17KDN4	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
221	172348389	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	ENG 301 K	K17QTC1	10	9.5	8.3	9	6	3.8	4.9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
222	172328051	Lương Thị Kim	Nguyệt	ENG 301 K	K17KDN4	10	9.5	8.3	10	6	5.5	5.8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
223	172417672	Huỳnh Yến	Nhi	ENG 301 K	K17DLK1	9.5	10	7.3	9.5	6.8	5.8	6.3	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
224	172348402	Hà Tú	Như	ENG 301 K	K17QTC4	10	10	7	9	8	5.8	6.9	7.6	BảyPhẩy Sáu	
225	172348401	Nguyễn Thị Hoài	Như	ENG 301 K	K17QTC4	10	10	7.8	9	7.5	5.8	6.7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
226	172328067	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	ENG 301 K	K17KDN2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
227	172348405	Trần Thị	Nữ	ENG 301 K	K17QTC4	10	10	7.8	9	7.5	5.5	6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
228	172348409	Nguyễn Đắc Anh	Phương	ENG 301 K	K17QTC3	10	10	8.2	10	8	6.2	7.1	8.0	Tám	
229	172348433	Trần Thị Phương	Thảo	ENG 301 K	K17QTC2	10	10	9	9.5	8.5	6.9	7.7	8.5	Tám Phẩy Năm	
230	172348436	Phan Thị Bảo	Thoa	ENG 301 K	K17QTC4	10	10	8.2	9	8.2	6.6	7.4	8.1	Tám Phẩy Một	
231	172348285	Lâm Tổ	Thu	ENG 301 K	K17QTM1	10	9.5	7.6	9.5	7	6.4	6.7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
232	172348440	Nguyễn Đình Anh	Thư	ENG 301 K	K17QTC3	10	10	6.7	10	7	7.5	7.3	7.8	Bảy Phẩy Tám	
233	172417689	Đặng Thị Thu	Thúy	ENG 301 K	K17DLK1	10	10	8.8	9.5	7.5	5.6	6.6	7.8	Bảy Phẩy Tám	
234	172348446	Nguyễn Thị	Thúy	ENG 301 K	K17QTC1	10	10	8.6	9	7.5	5.3	6.4	7.6	BảyPhẩy Sáu	

Thời gian: 12-14/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
235	172348445	Nguyễn Thị Thu	Thúy	ENG 301 K	K17QTC4	10	9.5	7.5	9	7	5.6	6.3	7.3	Bảy Phẩy Ba	
236	172348303	Trần Thị Diễm	Thùy	ENG 301 K	K17QTC3	9	9.5	7.3	10	6.5	5.1	5.8	7.1	Bảy Phẩy Một	
237	172328113	Nguyễn Thị	Thuyền	ENG 301 K	K17KDN3	10	9.5	7	9	6	5.1	5.6	6.8	Sáu Phẩy Tám	
238	172348450	Nguyễn Thị Bích	Trâm	ENG 301 K	K17QTC1	10	9.5	7.4	9	6	4.9	5.5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
239	172348456	Trương Thị	Trang	ENG 301 K	K17QTC4	10	9.5	7	9	6.5	4.9	5.7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
240	172348461	Đình Hoàng Cẩm	Tú	ENG 301 K	K17QTC3	10	9.5	7.5	10	5.8	5.8	5.8	7.1	Bảy Phẩy Một	
241	172348471	Trần Thị Thu	Uyên	ENG 301 K	K17QTC1	10	9.5	8.2	9.5	7	4.2	5.6	7.1	Bảy Phẩy Một	
242	172348476	Nguyễn Thị Tường	Vi	ENG 301 K	K17QTC1	10	9.5	6.4	9.5	7	5.5	6.3	7.1	Bảy Phẩy Một	
243	172348306	Lê Tiến	Anh	ENG 301 M	K17QTC3	8	8	7	8.5	6	6	6	6.8	Sáu Phẩy Tám	
244	172348311	Trương Thị Ngọc	Châu	ENG 301 M	K17QTC3	8	9	6.5	7.5	7.5	7.3	7.4	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
245	172348317	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	ENG 301 M	K17QTC3	8	9	7.5	9	5.5	6.4	6	7.0	Bảy	
246	172348319	Lê Thị	Diễm	ENG 301 M	K17QTC3	10	9	5.5	8.5	6	5.8	5.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
247	172417651	Hồ Thị Vinh	Hà	ENG 301 M	K17DLK1	9	8	6	8.5	7	6.4	6.7	7.0	Bảy	
248	172348355	Nguyễn Đăng	Khoa	ENG 301 M	K17QTC3	8	8	6	9	5.5	4.7	5.1	6.1	Sáu Phẩy Một	
249	172348356	Hà Diễm Lê	Khuyên	ENG 301 M	K17QTC3	10	9	6	7.5	5.5	5.6	5.6	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
250	171445079	Nguyễn Hoàng	Liên	ENG 301 M	K17DCD1	9	8	6.5	8	5.5	3.8	4.7	5.9	Năm Phẩy Chín	
251	172348366	Trần Thị Mỹ	Linh	ENG 301 M	K17QTC3	9	10	7	9.5	6.5	7.5	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
252	172348386	Lê Thị	Nga	ENG 301 M	K17QTC3	9	8	6.5	9	5.5	6.4	6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
253	142734520	Trần Trọng	Nghĩa	ENG 301 M	K14VQH	8	8	5	8.5	5	4.6	4.8	5.7	Năm Phẩy Bảy	00271
254	172348397	Trương Thị Thanh	Nhàn	ENG 301 M	K17QTC3	9	9	7	8.5	5.5	6.4	6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
255	172348413	Đặng Việt	Quang	ENG 301 M	K17QTC3	9	8	5.5	9	5.5	6.2	5.9	6.5	Sáu Phẩy Năm	
256	172348415	Lê Ngọc	Quyên	ENG 301 M	K17QTC2	9	8	5	8.5	5.5	4.9	5.2	6.0	Sáu	
257	171445127	Trương Hồ Như	Quỳnh	ENG 301 M	K17DCD1	9	8	5.5	8	7	7.6	7.3	7.2	Bảy Phẩy Hai	
258	172417682	Võ Thị Hồng	Thắm	ENG 301 M	K17DLK1	9	8	6.5	8.5	5.5	6.9	6.2	6.8	Sáu Phẩy Tám	
259	172348424	Võ Thị Phương	Thanh	ENG 301 M	K17QTC3	10	9	6.5	8.5	8	6.6	7.3	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
260	172348430	Lê Phương	Thảo	ENG 301 M	K17QTC3	10	9	6	7.5	7	6.9	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
261	171445142	Lê Thị Thu	Thảo	ENG 301 M	K17DCD2	7	8	5.5	8	8.5	5.6	7.1	6.9	Sáu Phẩy Chín	
262	171575670	Nguyễn Thị Trúc	Thảo	ENG 301 M	K17QCD5	9	8	6	8	8	6.6	7.3	7.3	Bảy Phẩy Ba	
263	172348435	Hoàng	Thịnh	ENG 301 M	K17QTC3	10	10	7.5	8.5	8	6.7	7.4	7.9	Bảy Phẩy Chín	
264	171445152	Phạm Thị	Thống	ENG 301 M	K17DCD1	9	8	6.5	8	6.5	5.5	6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
265	171445153	Huỳnh Thị Thanh	Thu	ENG 301 M	K17DCD1	10	8	6	8	7.5	5.5	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
266	172348447	Hồ Như	Thủy	ENG 301 M	K17QTC3	10	9	7.5	7.5	8	6.4	7.2	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
267	171445176	Đặng Thị Huyền	Trang	ENG 301 M	K17DCD1	10	10	6.5	8	8	7.5	7.8	7.9	Bảy Phẩy Chín	
268	172348454	Phạm Thị Thu	Trang	ENG 301 M	K17QTC3	10	10	6.5	8.5	8	5.8	6.9	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
269	172348466	Ngô Văn	Tùng	ENG 301 M	K17QTC3	9	9	6	8.5	7	6.6	6.8	7.1	Bảy Phẩy Một	
270	172348474	Đào Trần Khánh	Vân	ENG 301 M	K17QTC3	9	10	6.5	7.5	6	6.2	6.1	6.9	Sáu Phẩy Chín	
271	161447162	Võ Thị Yến	Vy	ENG 301 M	K17DCD1	8	9	5.5	8	5	6.6	5.8	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
272	172327983	Hà Lê Vân	Anh	ENG 301 N	K17KDN2	10	10	8	9	4	4.7	4.4	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
273	172217132	Dương Văn Quốc	Bảo	ENG 301 N	K17XDD1	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	



Thời gian: 12-14/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
274	172348314	Lê Minh	Chính	ENG 301 N	K17QTC4	9	9.5	8	8	6.5	8	7.3	7.8	Bảy Phẩy Tám	
275	172217151	Hồ Công	Diệu	ENG 301 N	K17XDD4	9	9	8.5	8.5	7	5.5	6.3	7.3	Bảy Phẩy Ba	
276	172327999	Nguyễn Thị Thúy	Hà	ENG 301 N	K17KDN1	10	10	10	10	8.5	6.6	7.6	8.7	Tám Phẩy Bảy	
277	172348330	Vũ Thị Ngọc	Hằng	ENG 301 N	K17QTC4	10	10	9	9	7	8.2	7.6	8.4	Tám Phẩy Bốn	
278	171325931	Hồ Thị	Hiền	ENG 301 N	K17KCD1	10	9.5	8.5	8	6.5	6.4	6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
279	172348338	Trần Phương	Hiền	ENG 301 N	K17QTC4	10	10	9.5	9.5	8.5	8	8.3	8.9	Tám Phẩy Chín	
280	172217170	Văn Phú	Hiếu	ENG 301 N	K17XDD3	10	9.5	9	9	8.5	7.1	7.8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
281	172328009	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	ENG 301 N	K17KDN1	10	10	9.5	9.5	7.5	8.4	8	8.7	Tám Phẩy Bảy	
282	171325950	Nguyễn Thị Kim	Huệ	ENG 301 N	K17KCD4	10	10	9.5	9.5	6	6	6	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
283	172328014	Nguyễn Thị Minh	Huệ	ENG 301 N	K17KDN3	10	9.5	10	10	5	4.9	5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
284	172348349	Trần Quang	Huy	ENG 301 N	K17QTC4	9	9.5	8	8	5	3.6	4.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
285	172328021	Lê Thị	Kiều	ENG 301 N	K17KDN1	10	10	10	10	5.5	6.2	5.9	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
286	172328028	Nguyễn Đỗ Khánh	Linh	ENG 301 N	K17KDN2	10	10	9	9	7	7.1	7.1	8.1	Tám Phẩy Một	
287	172328031	Nguyễn Thị Ái	Loan	ENG 301 N	K17KDN2	10	10	9.5	9.5	5	6.9	6	7.6	BảyPhẩy Sáu	
288	172328036	Lê Thị	Lý	ENG 301 N	K17KDN1	10	10	9.5	9.5	5	6.7	5.9	7.6	BảyPhẩy Sáu	
289	172328041	Nguyễn Lê	Na	ENG 301 N	K17KDN3	10	10	9	9	6	6.6	6.3	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
290	171326014	Phan Thị Ly	Na	ENG 301 N	K17KCD4	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
291	171326012	Từ Thị Na	Na	ENG 301 N	K17KCD4	10	10	8	8	6.5	5.5	6	7.2	Bảy Phẩy Hai	
292	172217219	Nguyễn Xuân	Nghĩa	ENG 301 N	K17XDD4	10	9	8	9	6	5.8	5.9	7.1	Bảy Phẩy Một	
293	172328047	Bùi Thị Ánh	Ngọc	ENG 301 N	K17KDN3	10	10	8.5	10	7	6.9	7	8.0	Tám	
294	172348392	Phan Yến	Ngọc	ENG 301 N	K17QTC4	10	9	8	8	8.5	7.3	7.9	8.1	Tám Phẩy Một	
295	172328048	Trương Bảo	Ngọc	ENG 301 N	K17KDN1	10	10	10	10	8.5	7.8	8.2	9.0	Chín	
296	172217223	Võ Đình Khôi	Nguyên	ENG 301 N	K17XDD4	9	9	8.5	8	7.5	7.8	7.7	8.1	Tám Phẩy Một	
297	172348395	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	ENG 301 N	K17QTC3	10	9.5	8.5	9	7.5	7.1	7.3	8.1	Tám Phẩy Một	
298	172328054	Trần Thị Thanh	Nhàn	ENG 301 N	K17KDN1	10	10	8	10	7	6.4	6.7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
299	172328058	Hoàng Yến	Nhi	ENG 301 N	K17KDN2	10	10	8	9	7	7.5	7.3	8.0	Tám	
300	172328061	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	ENG 301 N	K17KDN2	10	10	8.5	9	6.5	5.5	6	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
301	172328062	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	ENG 301 N	K17KDN3	10	10	8	10	7	3.6	5.3	7.0	Bảy	
302	172328099	Nguyễn Thị Hương	Thảo	ENG 301 N	K17KDN1	10	10	8	9	7.5	6.4	7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
303	172328101	Trần Thị Hoa	Thơm	ENG 301 N	K17KDN3	10	10	8	10	6.5	4.9	5.7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
304	172348438	Đỗ Thị Minh	Thu	ENG 301 N	K17QTC4	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
305	172328106	Phạm Thị Hoài	Thương	ENG 301 N	K17KDN2	10	10	9	9	6	6.2	6.1	7.6	BảyPhẩy Sáu	
306	172328107	Võ Thị	Thúy	ENG 301 N	K17KDN3	10	10	8.5	10	7	6.7	6.9	8.0	Tám	
307	172328109	Tô Thị Thanh	Thúy	ENG 301 N	K17KDN2	10	9.5	8.5	8	8	5.8	6.9	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
308	172217295	Lê Huỳnh Phước	Tiến	ENG 301 N	K17XDD4	10	9	8	10	4.5	6.6	5.6	7.1	Bảy Phẩy Một	
309	172217302	Vương Hữu	Tĩnh	ENG 301 N	K17XDD3	10	9	8	8.5	5.5	4.7	5.1	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
310	172328116	Hoàng Trần Đức	Toàn	ENG 301 N	K17KDN3	10	10	8	9.5	7	6	6.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
311	171326172	Nguyễn Thị	Trang	ENG 301 N	K17KCD4	10	9.5	8	8	6	4	5	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
312	162324939	Phạm Thị Huyền	Trang	ENG 301 N	K17KDN2	10	10	10	9	2.5	5.1	3.8	0.0	Không	

Thời gian: 12-14/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
313	171326164	Trương Thị Quỳnh	Trang	ENG 301 N	K17KCD4	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
314	172328123	Nguyễn Thị Yên	Trinh	ENG 301 N	K17KDN1	10	10	10	9.5	3	4	3.5	0.0	Không	
315	172328125	Lê Thị	Tư	ENG 301 N	K17KDN3	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
316	172348468	Lâm Thị Ngọc	Tuyền	ENG 301 N	K17QTC2	10	9.5	8	10	8.5	5.5	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
317	172328128	Nguyễn Thị	Tuyết	ENG 301 N	K17KDN3	10	10	8.5	9	7.5	7.6	7.6	8.3	Tám Phẩy Ba	
318	172348470	Nguyễn Hạnh	Uyên	ENG 301 N	K17QTC4	10	9.5	8	8	6.5	6.4	6.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
319	171326188	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	ENG 301 N	K17KCD4	10	10	8	9.5	6	6.2	6.1	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
320	172328134	Nguyễn Văn	Việt	ENG 301 N	K17KDN3	10	9.5	8.5	9.5	6.5	4	5.3	7.0	Bảy	
321	172348481	Trần Quốc	Vương	ENG 301 N	K17QTC1	10	10	8.5	9	6.5	6.7	6.6	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
322	172328138	Nguyễn Thị Khánh	Vy	ENG 301 N	K17KDN1	10	10	8	10	7.5	6.6	7.1	8.0	Tám	
323	171445011	Phạm Thị Quỳnh	Anh	ENG 301 G	K17DCD2	9	9	8	7	5	4.6	4.8	6.3	Sáu Phẩy Ba	
324	171445033	Nguyễn Phan Kỳ	Duyên	ENG 301 G	K17DCD4	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
325	172348325	Trần Phạm Kim	Hà	ENG 301 G	K17QTC4	10	10	8	7	6	5.8	5.9	7.0	Bảy	
326	171445072	Đỗ Lý Mỹ	Kỳ	ENG 301 G	K17DCD2	9	9	8.5	7	5	6.7	5.9	7.0	Bảy	
327	171445075	Huỳnh	Lân	ENG 301 G	K17DCD3	9	9	9.2	9	7	8.4	7.7	8.3	Tám Phẩy Ba	
328	172348362	Nguyễn Văn Nhật	Linh	ENG 301 G	K17QTC4	9	10	8	7	6	4.6	5.3	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
329	172127593	Nguyễn Tôn Xuân	Lộc	ENG 301 G	K17TPM	9	9	7.5	7	4	3.3	3.7	0.0	Không	
330	161446166	Trần Thị	Na	ENG 301 G	K17DCD1	8	8	6.5	6.5	v	v	v	0.0	Không	
331	171445118	Đinh Nguyễn Nhật	Phương	ENG 301 G	K17DCD2	8	8	8	7	v	v	v	0.0	Không	
332	172348411	Võ Thị Minh	Phượng	ENG 301 G	K17QTC2	10	10	8	7	4	4.6	4.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
333	172328120	Nguyễn Thị Thùy	Trang	ENG 301 G	K17KDN1	10	9.5	8	7.5	5	3.6	4.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
334	171445192	Vũ Thị Thanh	Tuyền	ENG 301 G	K17DCD2	9	9	8	7	5	4.7	4.9	6.3	Sáu Phẩy Ba	
335	172127626	Lại Duy Hoàng	Vũ	ENG 301 G	K17TPM	10	10	8	7	4	6.2	5.1	6.6	Sáu Phẩy Sáu	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	306	91%	
2	Số sinh viên nợ	29	9%	
TỔNG CỘNG:		335	100%	

NGƯỜI LẬP

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 12 năm 2012

TP. ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH**PHẠM NGỌC TỈNH****THS. NGUYỄN HỮU PHÚ**